TRƯỜNG THPT VÕ TRƯỜNG TOẢN
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN HỌC: TOÁN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 - MÔN TOÁN 12

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC				Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỷ lệ
			NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO				
			Số CH	Số CH	Số CH	Số CH	Ch TN	ch TL		
1	Nguyên hàm	Nguyên hàm cơ bản	1	1			2			4%
2		Phương pháp đổi biến số	1		1		2			4%
3		Phương pháp từng phần	1				1			2%
4		TH Nguyên hàm				1	1			2%
5	Tích Phân	Tích phân cơ bản	1		1		2			4%
6		Phương pháp đổi biến	1				1			2%
7		Phương pháp từng phần	1	1			2			4%
8		TH Tích phân				1	1			2%
9	Ứng dụng của tích phân	Diện tích hình phẳng	1	1			2			4%
10		Thể tích vật thể, thể tích khối tròn xoay	1	1	1		3			6%
11		TH Ứng dụng của tp				1	1			2%
12	Số phức	Định nghĩa số phức – hai số phức bằng	1				1			2%
13		Mô đun của số phức	1				1			2%
14		Số phức liên hợp	1				1			2%
15		Các phép toán trên số phức	2				2			4%
16		Tìm số phức thỏa điều kiện cho trước	1				1			2%
17		Biểu diễn hình học của số phức		1			1			2%
18		Giá trị lớn nhất & giá trị nhỏ		1			1			2%
19		Phép chia số phức	1				1			2%
20		TH số phức				2	2			4%
21	Hệ trục tọa độ trong kg	Các phép toán trên vecto	1				1			2%
22		Tích vô hướng của 2 vecto và ứng dụng		1			1			2%
23		Tích có hướng của 2 vecto và ứng dụng		1			1			2%
24		Phương trình mặt cầu	1				1			2%
25		TH Hình				1	1			2%
26	Mặt phẳng	Phương trình mặt phẳng	1		1		2			4%
27		Vị trí tương đối của hai mặt phẳng		1			1			2%
28		Khoảng cách từ điểm đến mặt phẳng	1				1			2%
29		Vị trí tđ của mặt phẳng và mặt cầu		1			1			2%
30		TH mặt phẳng				2	2			4%
31	Đường thẳng	Phương trình đường thẳng cơ bản	1	2			3			6%
32		Phương trình đường thẳng khác		1	1		2			4%
33		Vị trí tđ đường thẳng và mặt phẳng		1			1			2%
34		Vị trí tđ đường thẳng và mặt cầu		1			1			2%
35		TH Đường thẳng				2	2			4%
Tổng			**20**	**15**	**5**	**10**	**50**			
Tỉ lệ			40%	30%	10%	20%				100%
Tổng điểm			**4**	**3**	**1**	**2**	**10**			

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 2 - TOÁN 11

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Số CH	Số CH	Số CH	TN	TL		
1	CHƯƠNG 5	1.Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu ghép nhóm 2. Biến cố hợp và biến cố giao. Biến cố độc lập. Các quy tắc tính xác suất.	6 câu - Câu I.1 – I.3 - Câu II.1.1 – II.1.3	2 câu - Câu I.4 - Câu III.1		1 câu Câu II.1.4	9			
2	CHƯƠNG 6	1.Phép tính luỹ thừa với số mũ thực 2.Phép tính lôgarit 3. Hàm số mũ. Hàm số lôgarit 4. Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit	4 câu - Câu I.5 - Câu II.2.1, II.2.2 - Câu III.2	2 câu - Câu I.6 - Câu II.2.3	1 câu Câu III.3	2 câu -Câu II.2.4 -Câu III.4	9			
3	CHƯƠNG 7	1.Định nghĩa đạo hàm. Ý nghĩa hình học của đạo hàm 2.Các quy tắc tính đạo hàm	4 câu - Câu I.7 - Câu II.3.1 – II.3.3	2 câu -Câu I.8 -Câu II.3.4			6			
4	CHƯƠNG 8	1. Hai đường thẳng vuông góc 2. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng 3. Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. Góc nhị diện 4. Hai mặt phẳng vuông góc 5. Khoảng cách 6. Hình lăng trụ đứng. Hình chóp đều. Thể tích một số hình khối	5 câu -Câu I.9 – I.11 -Câu II.4.1, II.4.2	3 câu -Câu I.12 -Câu II.4.3 -Câu III.5	1 câu Câu II.4.4	1 câu Câu III.6	10			
Tổng			19	9	2	4		34	90	
Tỉ lệ (%)			40	30	10	20				100

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN TOÁN 10 -NĂM HỌC 2023 - 2024

		Nội dung	Mức độ				ĐIỂM	
			NB	TH	VD	VDC		
I/. SỐ CÂU TRẮC NGHIỆM		30					6	
1	ĐẠI SỐ	Nhị thức Newton	Câu 1 - > 8	Câu 9 - > 13		Câu 14 - > 15	3	
		Số gần đúng. Sai số						
		Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm						
		Các số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm						
		Xác suất của biến cố trong một số trò chơi đơn giản						
		Xác suất của biến cố						
2	HÌNH HỌC	Toạ độ của vectơ	Câu 16- > 22	Câu 23 - > 27		Câu 28 - > 30	3	
		Biểu thức toạ độ của các phép toán vectơ						
		Phương trình đường thẳng						
		Vị trí tương đối và góc giữa hai đ. thẳng. Khoảng cách từ 1 điểm đến một đ. thẳng						
		Phương trình đường tròn						
		Ba đường conic						
II/. SỐ CÂU TỰ LUẬN		4					4	
1	ĐẠI SỐ	Nhị thức Newton	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	2	
		Số gần đúng. Sai số						
		Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm						
		Các số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm						
		Xác suất của biến cố trong một số trò chơi đơn giản						
		Xác suất của biến cố						
2	HÌNH HỌC	Toạ độ của vectơ					2	
		Biểu thức toạ độ của các phép toán vectơ						
		Phương trình đường thẳng						
		Vị trí tương đối và góc giữa hai đ. thẳng. Khoảng cách từ 1 điểm đến một đ. thẳng						
		Phương trình đường tròn						
		Ba đường conic						
ĐIỂM			4	3	1	2	10	